TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 23 – 01 – 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 592/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thái Thanh X, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Tuyết P, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn anh X trình bày như sau: Năm 2007, anh X và chị P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sống ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh X xin ly hôn. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Thái Hữu Luân, sinh ngày 20/02/2007 và Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 19/7/2013, khi ly hôn anh X xin nuôi hai con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án: Chị P đồng ý ly hôn, đồng ý giao anh X tiếp tục nuôi Hữu Luân, còn chị P nuôi Ngọc Tr, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Hữu Luân, không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con. Đồng ý

giao con chung Ngọc Tr cho chị P trực tiếp nuôi. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị P: Đồng ý ly hôn, thống nhất thỏa thuận nuôi con chung, chị P trực tiếp nuôi con chung tên Ngọc Tr, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh X và chị P đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình An, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị P chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Các đương sự có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh X và chị P thống nhất ly hôn vì sống ly thân đã lâu, không còn yêu thương nên không thể tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh X với chị Cao Thị Tuyết P.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Thái Hữu Luân, sinh ngày 20/02/2007 và Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 19/7/2013, hiện đang do anh Luân trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa, anh X và chị P thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con như sau: Anh X trực tiếp nuôi Thái Hữu Luân, sinh ngày 20/02/2007 và chị P trực tiếp nuôi Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 19/7/2013. Anh X và chị P đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung. Anh X và chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010263 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thái Thanh X với chị Cao Thị Tuyết P.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con như sau:

+ Anh Thái Thanh X trực tiếp nuôi con chung tên Thái Hữu Luân, sinh ngày 20/02/2007, không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị Cao Thị Tuyết P trực tiếp nuôi con chung tên Thái Thị Ngọc Tr, sinh ngày 19/7/2013, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh X và chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Thái Thanh X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010263 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh